

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2012

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 3547..... Ngày: 24/5.....

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 35/2003/NĐ-CP) như sau:

1. Khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy quy định tại Khoản 1 Điều này phải được tổ chức thực hiện và duy trì trong suốt quá trình hoạt động.

Đối với các cơ sở quy định tại Phụ lục 2 Nghị định này, trước khi đưa vào hoạt động, người đứng đầu cơ sở phải có văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy; đồng thời, gửi kèm theo các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy, cụ thể như sau:

- Bản sao “Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy”,
văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- Bản thống kê các phương tiện phòng cháy và chữa cháy; phương tiện, thiết bị cứu người đã trang bị cho cơ sở;

- Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở kèm theo danh sách những người đã qua huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy;

- Phương án chữa cháy;

- Bản sao các quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở;

- Quy định về phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy của cơ sở;

- Các quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

Bộ Công an quy định cụ thể mẫu văn bản thông báo cam kết; các loại giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo và việc tiếp nhận văn bản thông báo cam kết của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.”

2. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy gồm tàu thủy, tàu hỏa chuyên dùng để vận chuyển hành khách, vận chuyển xăng dầu, chất lỏng dễ cháy, khí cháy, vật liệu nổ, hóa chất có nguy hiểm cháy, nổ khi chế tạo mới hoặc hoán cải phải được thẩm duyệt và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Trước khi đưa vào hoạt động, chủ phương tiện phải có văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy; đồng thời, gửi kèm theo các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy, cụ thể như sau:

- Bản sao “Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy”, văn bản nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

- Bản sao các quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của phương tiện;

- Bản sao giấy chứng nhận đã qua huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền cấp cho người điều khiển phương tiện làm việc;

- Bản thống kê các phương tiện phòng cháy và chữa cháy; phương tiện, thiết bị cứu người đã trang bị cho phương tiện.

3. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

1. Dự án, thiết kế quy hoạch xây dựng, dự án đầu tư và thiết kế xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng công trình, hạng mục công trình (sau đây gọi chung là dự án, công trình) thuộc mọi nguồn vốn đầu tư phải tuân theo các quy định của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.

Việc lập dự án, thiết kế công trình quy định tại Phụ lục 3 và Phụ lục 3a Nghị định này phải do đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng có đủ năng lực và tư cách pháp nhân thực hiện.

2. Các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng phải được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Khoản 6 Điều này.

3. Các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định này và các công trình thuộc diện phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng do cơ quan quản lý xây dựng và chủ đầu tư tự thẩm định các nội dung thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy khi phê duyệt dự án, thiết kế và cấp giấy phép xây dựng. Đối với những công trình xét thấy gặp khó khăn về nghiệp vụ chuyên môn thẩm định về phòng cháy và chữa cháy thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng hoặc cơ quan phê duyệt dự án, thiết kế cần xin thêm ý kiến của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy bằng văn bản.

Đối với dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định này, trước khi đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc công trình đã được thẩm định, phê duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật.

4. Dự án, công trình không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục 3 và Phụ lục 3a Nghị định này khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng vẫn phải thiết kế bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy nhưng không bắt buộc phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

5. Nội dung thẩm duyệt, thẩm định, phê duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, thiết kế quy hoạch phải theo đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 13; đối với thiết kế xây dựng công trình phải theo đúng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này. Kết quả thẩm duyệt, thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy là một trong những căn cứ để xem xét, phê duyệt dự án, thiết kế và cấp giấy phép xây dựng.

6. Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này được thực hiện như sau:

a) Đối với dự án thiết kế quy hoạch, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có văn bản trả lời về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch tỷ lệ 1:500;

b) Đối với dự án, công trình có từ hai bước thiết kế trở lên, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có văn bản góp ý về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế cơ sở và thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công;

c) Đối với dự án, công trình có một bước thiết kế, cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công. Công trình có nguy hiểm cháy, nổ nêu tại mục 13, 14 và 19 của Phụ lục 3 Nghị định này phải có văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trước khi tiến hành thiết kế công trình.

7. Hồ sơ trình thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 của Nghị định này gồm 02 bộ, có xác nhận của chủ đầu tư, nếu hồ sơ bằng tiếng nước ngoài thì phải có bản dịch phần thuyết minh ra tiếng Việt kèm theo. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm duyệt phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản dịch đó. Hồ sơ bao gồm:

a) Đối với hồ sơ dự án thiết kế, quy hoạch:

- Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án hoặc của chủ đầu tư; nếu ủy quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản ủy quyền kèm theo;

- Các tài liệu và bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 13 Nghị định này.

b) Đối với hồ sơ thiết kế cơ sở:

- Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án hoặc của chủ đầu tư; nếu ủy quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản ủy quyền kèm theo;

- Bản sao văn bản cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền;

- Các bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế cơ sở thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này.

c) Đối với hồ sơ chấp thuận địa điểm xây dựng:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, chấp thuận địa điểm xây dựng về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư có nêu rõ quy mô, tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của công trình dự kiến xây dựng, đặc điểm, hiện trạng và sự phù hợp của khu đất dự kiến xây dựng công trình;

- Bản sao giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất hoặc quyền sở hữu nhà, công trình;

- Bản vẽ, tài liệu thể hiện rõ hiện trạng địa hình của khu đất có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy như: Bậc chịu lửa hay mức độ chịu lửa của công trình, khoảng cách từ công trình dự kiến xây dựng đến các công trình xung quanh, hướng gió, cao độ công trình.

d) Đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công:

- Văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư; trường hợp chủ đầu tư uỷ quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản uỷ quyền kèm theo;

- Bản sao văn bản cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền hoặc chứng chỉ quy hoạch hoặc giấy tờ xác nhận quyền sử dụng đất;

- Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 Nghị định này.

8. Thời hạn thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này được tính kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể như sau:

a) Đối với dự án quy hoạch: Không quá 10 ngày làm việc;

b) Đối với thiết kế cơ sở: Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A; không quá 5 ngày làm việc đối với dự án nhóm B và nhóm C;

c) Đối với chấp thuận địa điểm xây dựng: Không quá 05 ngày làm việc;

d) Đối với thẩm duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm A; không quá 10 ngày làm việc đối với dự án, công trình nhóm B và nhóm C.

Phân nhóm dự án, công trình các nhóm A, B, C nêu trên được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

9. Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan ban hành tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy đối với từng loại công trình; phối hợp với Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung, trình tự thẩm duyệt, thẩm định, phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy trong xây dựng. Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Công an hướng dẫn điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân về phòng cháy và chữa cháy trong hoạt động xây dựng.

10. Bộ Tài chính chủ trì, thống nhất với Bộ Công an quy định việc thu và sử dụng phí thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy. Phí thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy được xác định trong vốn đầu tư của dự án, công trình.”

4. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn quản lý dự án, giám sát thi công, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng, cơ quan phê duyệt dự án, cơ quan cấp giấy phép xây dựng và cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng công trình

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Bảo đảm việc lập dự án, thiết kế theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này. Trình hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này;

b) Thẩm định, phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định này;

c) Tổ chức thi công, kiểm tra, giám sát thi công theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được phê duyệt. Trường hợp trong quá trình thi công nếu có sự thay đổi về thiết kế và thiết bị phòng cháy và chữa cháy thì phải giải trình hoặc thiết kế bổ sung và phải được thẩm duyệt, phê duyệt lại;

d) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình trong suốt quá trình xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;

đ) Tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. Đối với dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này, trước khi đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cho cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đã thẩm duyệt trước đó đến kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy;

e) Đối với dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định này, trước khi đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy về việc công trình đã được thẩm định, phê duyệt thiết kế và nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật.

Bộ Công an quy định mẫu văn bản thông báo cam kết của chủ đầu tư.

2. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế:

a) Thiết kế bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế trong thời gian xây dựng và sử dụng công trình;

b) Thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp công trình;

c) Tham gia nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

3. Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng:

a) Thi công theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được phê duyệt;

b) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý của mình trong suốt quá trình thi công đến khi bàn giao công trình;

c) Lập hồ sơ hoàn công, chuẩn bị các tài liệu và điều kiện để phục vụ công tác nghiệm thu và tham gia nghiệm thu công trình.

4. Trách nhiệm của đơn vị tư vấn quản lý dự án và giám sát thi công:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư trong việc thực hiện các nội dung về phòng cháy và chữa cháy theo cam kết trong hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.

5. Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt dự án và cơ quan cấp giấy phép xây dựng

a) Cơ quan phê duyệt dự án có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt nội dung phòng cháy và chữa cháy trước khi phê duyệt dự án. Đối với dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này, trước khi phê duyệt phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy theo quy định;

b) Cơ quan cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư xuất trình văn bản thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này, văn bản thẩm định, phê duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3a Nghị định này.

6. Trách nhiệm của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy:

a) Xem xét, trả lời về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế quy hoạch và hồ sơ thiết kế cơ sở; thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công của các dự án, công trình quy định tại Phụ lục 3 Nghị định này;

b) Xem xét, trả lời về giải pháp phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Nghị định này;

c) Kiểm định thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy trước khi lắp đặt; kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công xây dựng;

d) Kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình theo thẩm quyền.”

5. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 22. Phương án chữa cháy

1. Phương án chữa cháy phải bảo đảm các yêu cầu và nội dung cơ bản sau đây:

a) Nêu được tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy;

b) Đề ra tình huống cháy phức tạp nhất và một số tình huống cháy đặc trưng khác có thể xảy ra, khả năng phát triển của đám cháy theo các mức độ khác nhau;

c) Đề ra kế hoạch huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, tổ chức chỉ huy, biện pháp kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy và các công việc phục vụ chữa cháy phù hợp với từng giai đoạn của từng tình huống cháy.

2. Trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy

a) Người đứng đầu cơ sở, trưởng thôn, trưởng ấp, trưởng bản, tổ trưởng tổ dân phố, chủ rừng, chủ phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án chữa cháy sử dụng lực lượng, phương tiện tại chỗ trong phạm vi quản lý của mình (gọi chung là phương án chữa cháy của cơ sở);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ sở thuộc danh mục do Bộ Công an quy định tại Điểm b Khoản này có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng phương án chữa cháy cho khu dân cư, cơ sở do mình quản lý theo hướng dẫn của Bộ Công an;

b) Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy cơ sở và khu vực dân cư cần huy động lực lượng, phương tiện của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và của nhiều cơ quan, tổ chức hoặc nhiều địa phương (gọi chung là phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy);

Bộ Công an quy định danh mục cơ sở, khu dân cư do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm xây dựng phương án chữa cháy.

c) Phương án chữa cháy phải được bổ sung, chỉnh lý kịp thời khi có những thay đổi về tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy, nổ, độc và các điều kiện liên quan đến hoạt động chữa cháy.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án chữa cháy

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở không thuộc Phụ lục 1 Nghị định này;

b) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thuộc Công an cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở quy định tại Phụ lục 1 Nghị định này; phương án chữa cháy do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng có huy động lực lượng, phương tiện của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và của nhiều cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi địa bàn quản lý; trường hợp đặc biệt do Giám đốc Công an cấp tỉnh phê duyệt;

c) Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thuộc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở quy định tại Phụ lục 1 Nghị định này trong phạm vi địa bàn quản lý; phương án chữa cháy do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng có huy động lực lượng, phương tiện của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thuộc thẩm quyền quản lý, của nhiều cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi địa bàn quản lý;

d) Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phê duyệt phương án chữa cháy do Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng có huy động lực lượng, phương tiện của các phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trực thuộc, của nhiều cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi địa bàn quản lý;

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chữa cháy có huy động lực lượng, phương tiện của Quân đội;

e) Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phê duyệt phương án chữa cháy có huy động lực lượng và phương tiện của nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trường hợp cần thiết trình Bộ trưởng Bộ Công an hoặc người được ủy quyền phê duyệt; trường hợp đặc biệt thì Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Trình tự thủ tục, thời hạn phê duyệt phương án chữa cháy:

a) Trình tự thủ tục phê duyệt phương án chữa cháy:

Sau khi tổ chức lập xong phương án chữa cháy cơ sở thuộc Phụ lục 1 Nghị định này, người có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án duyệt, ký tên, đóng dấu, làm hồ sơ đề nghị phê duyệt gửi đến người có thẩm quyền phê duyệt.

Hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy gồm 1 bộ. Thành phần hồ sơ gồm 1 văn bản đề nghị phê duyệt phương án chữa cháy kèm theo 2 phương án chữa cháy đã được người có trách nhiệm tổ chức xây dựng phương án duyệt, ký tên, đóng dấu.

Trong thời hạn quy định tại Điểm b Khoản này, người có thẩm quyền phê duyệt phương án tổ chức kiểm tra các thông tin có liên quan đến nội dung phương án để xem xét quyết định phê duyệt hay có văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh lý lại phương án chữa cháy;

b) Thời hạn phê duyệt đối với các phương án chữa cháy cơ sở thuộc Phụ lục 1 Nghị định này được tính kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, quy định cụ thể như sau:

- Phương án chữa cháy do Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phê duyệt: Không quá 07 ngày làm việc;

- Phương án chữa cháy do Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phê duyệt: Không quá 10 ngày làm việc.

5. Phương án chữa cháy được xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được quản lý tại cơ sở và sao gửi cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy quản lý địa bàn; phương án chữa cháy được xây dựng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này được quản lý tại đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và sao gửi cho cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xây dựng phương án chữa cháy. Cơ quan, tổ chức có lực lượng, phương tiện tham gia trong phương án được phổ biến những nội dung liên quan đến nhiệm vụ của mình.

6. Chế độ và trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy

a) Phương án chữa cháy được xây dựng theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được tổ chức thực tập ít nhất mỗi năm một lần và thực tập đột xuất khi có yêu cầu;

b) Phương án chữa cháy được xây dựng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này được tổ chức thực tập khi có yêu cầu;

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực tập phương án chữa cháy. Đối với phương án quy định tại Điểm b Khoản này trước khi tổ chức thực tập phải có sự trao đổi thống nhất với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy để huy động lực lượng, phương tiện tham gia;

d) Lực lượng, phương tiện có trong phương án chữa cháy khi được huy động thực tập phải tham gia đầy đủ.

7. Cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, thực tập, quản lý và sử dụng phương án chữa cháy.

8. Bộ Công an quy định mẫu phương án chữa cháy của cơ sở và mẫu phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân có liên quan khi cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy xây dựng phương án chữa cháy và chế độ thực tập phương án chữa cháy do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy lập.”

6. Khoản 5 Điều 46 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Thực hiện thẩm duyệt, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình xây dựng, các phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy; kiểm định thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, vật liệu chống cháy.”

7. Mục 15 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 35/2003/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“15. Công trình tàu điện ngầm; hầm đường sắt có chiều dài trên 2.000 m; hầm đường bộ có chiều dài từ 600 m trở lên; hầm mỏ khai thác than và các khoáng sản khác cháy được; các công trình ngầm trong hoạt động có sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ và có khối tích từ 1.000 m³ trở lên.”

8. Tiêu đề Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 35/2003/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Phụ lục 2: Danh mục cơ sở thuộc diện phải có văn bản thông báo cam kết bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy trước khi đưa vào hoạt động.”

9. Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định số 35/2003/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Phụ lục 3: Danh mục dự án, công trình do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:

1. Dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, khu dân cư, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và dự án xây dựng mới hoặc cải tạo công trình thuộc cơ sở hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của đô thị, khu dân cư, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp tỉnh trở lên.

2. Nhà ở tập thể, nhà chung cư và nhà ở khác cao từ 9 tầng trở lên.
3. Bệnh viện, nhà điều dưỡng, trung tâm y tế, cơ sở khám chữa bệnh có quy mô trên 50 giường.
4. Trường học, cơ sở giáo dục có khối tích từ 10.000 m³ trở lên; nhà trẻ, mẫu giáo có từ 200 cháu trở lên.
5. Chợ kiên cố, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng có từ 300 hộ buôn bán trở lên hoặc có tổng diện tích gian hàng từ 1.200 m² trở lên.
6. Rạp hát, rạp chiếu phim, hội trường, nhà văn hoá có thiết kế từ 300 chỗ ngồi trở lên; nhà thi đấu thể thao trong nhà có từ 1.000 chỗ ngồi trở lên, sân vận động ngoài trời có từ 10.000 chỗ ngồi trở lên; vũ trường, câu lạc bộ, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí đông người có khối tích từ 1.500 m³ trở lên; những công trình công cộng khác có khối tích từ 3.000 m³ trở lên.
7. Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ cao từ 7 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 10.000 m³ trở lên.
8. Nhà hành chính, nhà văn phòng làm việc từ 7 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 10.000 m³ trở lên; trụ sở làm việc của cơ quan chính quyền, tổ chức chính trị, xã hội cấp tỉnh trở lên.
9. Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày, nhà lưu trữ cấp tỉnh trở lên.
10. Nhà, công trình thuộc cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ từ 7 tầng trở lên hoặc có khối tích từ 10.000 m³ trở lên.
11. Đài phát thanh, truyền hình, cơ sở bưu chính viễn thông từ cấp tỉnh trở lên. Trung tâm chỉ huy, điều độ, điều hành, điều khiển quy mô khu vực và quốc gia thuộc các lĩnh vực.
12. Nhà ga hàng không, đường thủy, đường sắt, bến xe ô tô thuộc cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III; cảng đường thủy thuộc cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
13. Cửa hàng kinh doanh xăng dầu, khí đốt.
14. Công trình xuất nhập, chế biến, bảo quản, vận chuyển dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ, khí đốt, vật liệu nổ công nghiệp.
15. Nhà, công trình sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ A, B có khối tích từ 1.000 m³ trở lên.

16. Nhà, công trình sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp thuộc hạng nguy hiểm cháy nổ C, D, E có khối tích từ 5.000 m³ trở lên.

17. Nhà kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc có bao bì cháy được có khối tích từ 2.500 m³ trở lên.

18. Nhà máy điện có công suất từ 20 MW trở lên; trạm biến áp từ 110 kV trở lên.

19. Công trình an ninh, quốc phòng có nguy hiểm về cháy, nổ hoặc có yêu cầu bảo vệ đặc biệt.

20. Công trình tàu điện ngầm; hầm đường sắt có chiều dài trên 2.000 m; hầm đường bộ có chiều dài từ 600 m trở lên; các công trình ngầm có hoạt động sản xuất, bảo quản, sử dụng chất cháy, nổ và có khối tích từ 1.000 m³ trở lên.

10. Bổ sung Phụ lục số 3a như sau:

“Phụ lục 3a: Danh mục dự án, công trình do cơ quan quản lý xây dựng và chủ đầu tư thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và trước khi đưa vào sử dụng, chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cam kết với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy:

1. Dự án quy hoạch xây dựng mới hoặc cải tạo đô thị, công trình thuộc cơ sở hạ tầng kỹ thuật có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy của đô thị, khu dân cư, đặc khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao thuộc thẩm quyền phê duyệt cấp huyện.

2. Nhà ở tập thể, nhà chung cư và nhà ở khác cao từ 5 tầng đến 8 tầng.

3. Bệnh viện, nhà điều dưỡng, trung tâm y tế, cơ sở khám chữa bệnh có quy mô từ 25 giường đến 50 giường.

4. Trường học, cơ sở giáo dục có khối lớp học có khối tích từ 5.000 m³ đến dưới 10.000 m³; nhà trẻ, mẫu giáo có từ 100 đến dưới 200 cháu.

5. Chợ kiên cố, bán kiên cố, Trung tâm thương mại có dưới 300 hộ buôn bán hoặc có tổng diện tích gian hàng dưới 1.200 m².

6. Rạp hát, rạp chiếu phim, hội trường, nhà văn hoá có thiết kế từ 200 chỗ đến dưới 300 chỗ; nhà thi đấu thể thao trong nhà có từ 200 chỗ đến dưới 1.000 chỗ ngồi, sân vận động ngoài trời có dưới 10.000 chỗ ngồi; vũ trường, câu lạc bộ, cơ sở dịch vụ vui chơi giải trí có khối tích dưới 1.500 m³ và những công trình công cộng khác có khối tích từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³.

7. Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ cao từ 5 tầng đến 6 tầng hoặc có khối tích từ 5.000 m³ đến dưới 10.000 m³.

8. Nhà hành chính, trụ sở làm việc cao dưới 7 tầng hoặc có khối tích từ 5.000 m³ đến dưới 10.000 m³; nhà hành chính của cơ quan chính quyền, tổ chức chính trị xã hội cấp huyện quản lý.

9. Nhà lưu trữ, thư viện với trữ lượng từ 10.000 đến dưới 500.000 đơn vị sách, tài liệu; nhà triển lãm có diện tích từ 300 m² đến dưới 1.000 m²; nhà bảo tàng do cấp huyện quản lý.

10. Nhà, công trình thuộc cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ cao từ 5 tầng đến 6 tầng hoặc có khối tích từ 5.000 m³ đến dưới 10.000 m³.

11. Đài phát thanh, truyền hình, cơ sở bưu chính viễn thông do cấp huyện quản lý.

12. Cảng đường thủy thuộc cấp IV và nhà ga hàng không, đường thủy, đường sắt và bến xe ô tô thuộc cấp IV theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

13. Nhà kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc có bao bì cháy được có khối tích từ 1.000 m³ đến 2.500 m³.

14. Nhà, công trình sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp hạng sản xuất A, B, có khối tích từ 500 m³ đến dưới 1000 m³; hạng sản xuất C, D có khối tích từ 2.000 m³ đến dưới 5.000 m³.

15. Nhà máy điện có công suất dưới 20 MW; trạm biến áp từ 35 kV đến dưới 110 kV.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2006 quy định chế độ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc như sau:

1. Khoản 2 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.”

2. Khoản 2 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Từ chối bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở chưa được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy khi xây dựng mới, cải tạo hoặc thay đổi tính chất sử dụng;

b) Cơ sở không có biên bản kiểm tra về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy hoặc biên bản kiểm tra đã quá 01 năm tính từ thời điểm lập đến thời điểm mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc;

c) Cơ sở đang bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ hoạt động do vi phạm nghiêm trọng các quy định về phòng cháy và chữa cháy.”

3. Khoản 2 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Bán bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc khi bên mua bảo hiểm có yêu cầu bằng văn bản. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định này.”

4. Khoản 2 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Sáu tháng một lần, doanh nghiệp bảo hiểm chuyển số kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định này vào tài khoản của Cục Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy do Bộ Công an mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương để tạo nguồn kinh phí bổ sung hàng năm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể nội dung chi, cơ chế quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí này.”

5. Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 18. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn việc kiểm tra an toàn phòng cháy và chữa cháy và kiểm tra việc thực hiện các quy định về phòng cháy và chữa cháy đối với các cơ sở thuộc diện phải mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

2. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đóng góp cho các hoạt động phòng cháy và chữa cháy thu được từ bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định của pháp luật.”

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2012.

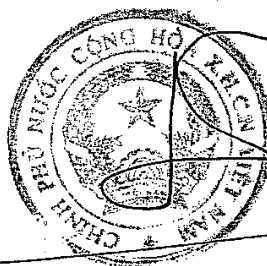
Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (5b).Q 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng